

Số: 67/2021/QĐHG-HNGĐ

Hồng Bàng, ngày 16 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thẩm phán ra quyết định: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền.

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 và Điều 36 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 31 tháng 5 năm 2021, về việc các bên thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ việc ly hôn, nuôi con khi ly hôn giữa:

Các bên yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án là:

- Anh NLT, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số 7 C100 A, phường A, quận B, thành phố Hải Phòng;

- Chị PKN, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số 26 C75, phường A, quận B, thành phố Hải Phòng.

Sau khi nghiên cứu Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án cùng tài liệu kèm theo do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án;

XÉT THẤY:

Nội dung thỏa thuận, thống nhất của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án đã có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải và tài liệu kèm theo, không có bên nào ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa các bên hòa giải: Anh NLT; nơi cư trú: Số 7 C100 A, phường A, quận B, thành phố Hải Phòng và chị PKN; nơi cư trú: Số 26 C75, phường A, quận B, thành phố Hải Phòng.

2. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án của các bên cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh NLT và chị PKN xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận

B, thành phố Hải Phòng từ ngày 09/4/2012. Trong quá trình chung sống, anh NLT và chị PKN đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, nên anh NLT và chị PKN thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là C, sinh ngày 01/10/2014 và D, sinh ngày 29/5/2017. Hai bên thỏa thuận, chị PKN là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật. Anh NLT có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung C mỗi tháng 2.500.000 đồng/tháng, kể từ tháng 6/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật và cấp dưỡng nuôi con chung D mỗi tháng 2.500.000 đồng/tháng, kể từ tháng 6/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật. Hai bên tự giao nhận tiền cấp dưỡng hàng tháng với nhau, thời hạn cấp dưỡng chậm nhất vào các ngày 29 hàng tháng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các vấn đề khác: Không có yêu cầu giải quyết.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

4. Các bên có quyền đề nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

6. Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án./.

Nơi nhận:

- Các bên;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- CCTHA Dân sự quận Hồng Bàng;
- UBND phường A, quận B;
- Lưu: Hồ sơ vụ việc, TA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Huyền